

BÁO CÁO RÀ SOÁT ĐẦU TƯ VÀ CHI TIÊU CÔNG CHO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (CPEIR) – GIAI ĐOẠN 2016-2020 – TỈNH BẾN TRE

1. Tình hình biến đổi khí hậu ở Bến Tre

Giới thiệu chung về tỉnh Bến Tre

Tỉnh Bến Tre có bốn con sông lớn bao bọc là Tiền Giang, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên, với các hệ thống kênh rạch chằng chịt, 65 km chiều dài bờ biển rất thuận tiện cho giao thông đường thủy.

Năm 2018, dân số Bến Tre là trên 1,3 triệu người, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người là 33,0 triệu VNĐ (~ 1.433 USD), tổng giá trị GRDP toàn tỉnh đạt 41,9 nghìn tỉ VNĐ (1,82 tỉ USD) và tốc độ tăng trưởng GRDP trong những năm gần đây là trên 7,0 %.

Bến Tre là một tỉnh nông nghiệp, với thế mạnh là kinh tế vườn và kinh tế biển. Trong những năm gần đây tỉnh tập trung xây dựng lợi thế cạnh tranh theo chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp chủ lực. Bến Tre hiện có 2 khu công nghiệp gồm Giao Long (quy mô 168 ha) và An Hiệp (quy mô 72 ha) hiện đã lấp đầy diện tích, 10 cụm công nghiệp ở các huyện và 57 làng nghề đã được công nhận.



Tác động của biến đổi khí hậu đến tỉnh Bến Tre

Là một tỉnh ven biển khác biệt với nhiều tuyến đường thủy, Bến Tre là một trong những tỉnh chịu ảnh hưởng đáng kể của biến đổi khí hậu tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Đặc biệt, là nước biển dâng, triều cường, xâm nhập mặn, sạt lở đất và hạn hán.

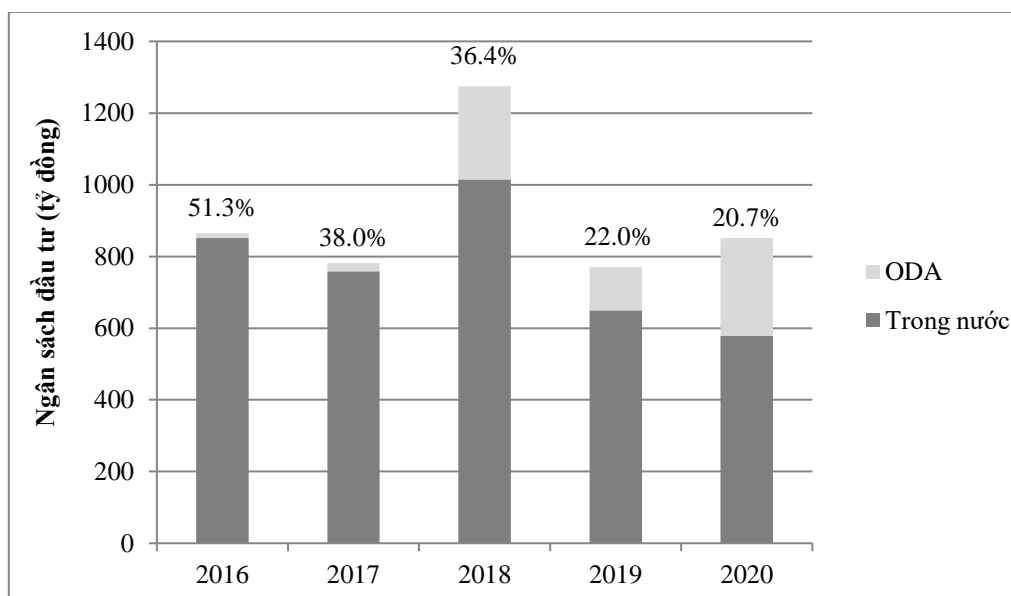
Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở tỉnh Bến Tre

Công tác ứng phó BĐKH của tỉnh đã đạt một số kết quả nổi bật. Trước hết, công tác truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng được quan tâm thực hiện thường xuyên. Thông tin khí tượng thủy văn, dự báo độ mặn được cập nhật thường xuyên, định kỳ trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bến Tre, đến các sở, ban, ngành và địa phương. Dự án xây dựng hệ thống quan trắc dự báo độ mặn và giám sát chất lượng nước tự động đang được đẩy nhanh tiến độ hoàn thành để kịp thời thông tin đến nhân dân. Các sở, ngành như Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện nhiều hoạt động nghiên cứu, dự án nhằm nâng cao năng lực ứng phó BĐKH.

Về thích ứng BĐKH, với sự hỗ trợ của Dự án AMD Bến Tre, tỉnh đã triển khai nhiều dự án hỗ trợ sinh kế, nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH cho nông dân; quản lý tổng hợp tài nguyên nước thích ứng với BĐKH; thích ứng với tác động BĐKH và nước biển dâng đối với hệ sinh thái trên biển và dải ven bờ; bảo đảm quy hoạch sử dụng đất đáp ứng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và thích ứng với BĐKH trên địa bàn tỉnh.

2. Tổng hợp dữ liệu về đầu tư biến đổi khí hậu ở Bến Tre

2.1 Nguồn ngân sách đầu tư cho BĐKH



Hình 1: Tổng ngân sách đầu tư cho biến đổi khí hậu tại Bến Tre – Phần trăm chi ngân sách cho biến đổi khí hậu trên tổng chi ngân sách cho đầu tư phát triển của tỉnh được biểu thị bởi giá trị (%) trên cùng của mỗi cột.

Bảng 1: Đầu tư cho biến đổi khí hậu tại Bến Tre theo từng năm từ 2016-2020 và theo nguồn vốn

Năm	Đầu tư trong nước cho BĐKH (tỷ đồng)	Đầu tư nước ngoài cho BĐKH (tỷ đồng)	Tổng đầu tư cho BĐKH (vốn trong và ngoài nước) (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn đầu tư trong nước cho BĐKH (%)	Tỷ lệ vốn đầu tư nước ngoài cho BĐKH (%)	Tổng đầu tư công của tỉnh (tỷ đồng)	Tỷ lệ đầu tư cho BĐKH trên tổng đầu tư công của tỉnh (%)
2016	851,6	13,1	864,8	98,5	1,5	1.686,1	51,3
2017	758,7	22,8	781,5	97,1	2,9	2.055,5	38,0
2018	1.014,9	259,8	1.274,7	79,6	20,4	3.502,9	36,4
2019	649,8	120,0	769,8	84,4	15,6	3.491,5	22,0
2020	578,2	273,6	851,8	67,9	32,1	4.121,8	20,7

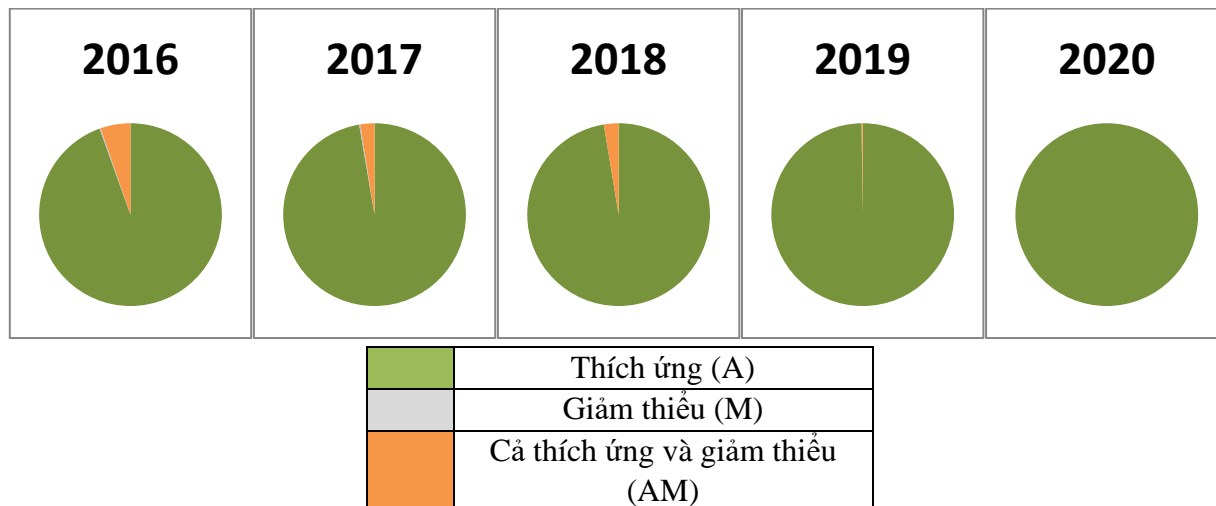
Tại Bến Tre, chi đầu tư cho BĐKH bình quân giai đoạn 2016-2020 là khoảng 900 tỷ đồng/năm. Ngân sách đầu tư cho biến đổi khí hậu cao nhất vào năm 2018 đạt 1.275 tỷ đồng, trong khi thấp nhất vào năm 2019 là 770 tỷ đồng.

Trong giai đoạn 5 năm trên, chi đầu tư cho biến đổi khí hậu bằng nguồn vốn trong nước bình quân hàng năm là 770 tỷ đồng, chiếm tới 85% tổng chi đầu tư, nguồn ODA đóng góp 138 tỷ đồng, chiếm 15%. Tỷ trọng vốn đầu tư từ nguồn ODA nhìn chung không ổn định, có xu hướng tăng với mức thấp nhất chỉ là 1,5% năm 2016 nhưng lại tăng đến hơn 32% vào năm 2020.

Chi đầu tư cho biến đổi khí hậu trung bình chiếm khoảng 30% so với tổng chi đầu tư phát triển của tỉnh trong giai đoạn 2016-2020, một tỷ lệ tương đối cao so với các tỉnh khác trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

2.2 Chi ngân sách cho biến đổi khí hậu, theo mục đích chi

a) Phân bổ loại dự án cho “thích ứng”, “giảm thiểu” hoặc cho cả “thích ứng” và “giảm thiểu”



Hình 2: Chi đầu tư cho thích ứng và giảm thiểu (Đơn vị: %)

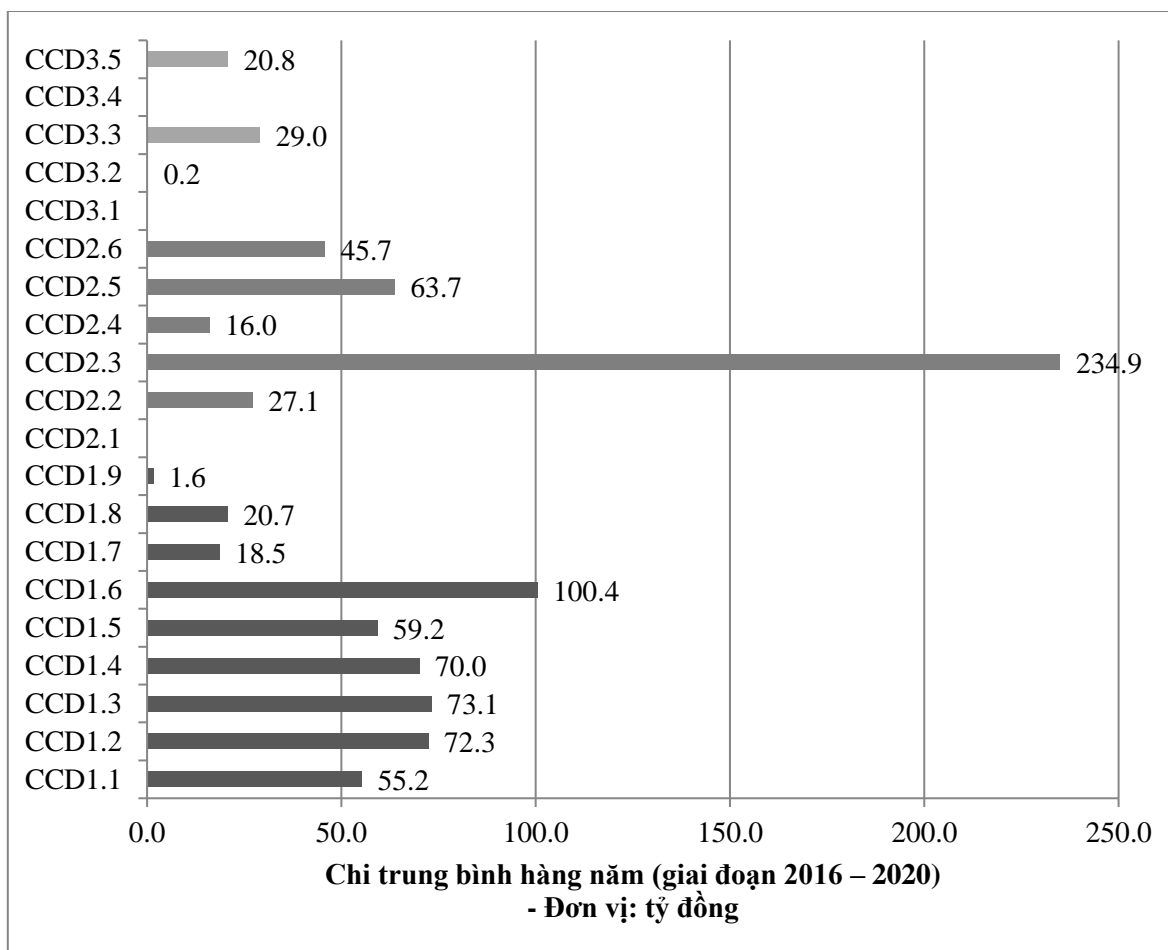
Số liệu chi tiết đầu tư cho biến đổi khí hậu theo thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu

Đơn vị: Tỷ đồng	2016		2017		2018		2019		2020	
Thích ứng	817,5	94,5%	760,7	97,3%	1.241,1	97,4%	768,5	99,8%	851,8	100,0%
Giảm thiểu	1,4	0,2%	1,3	0,2%	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%
Thích ứng & Giảm thiểu	45,9	5,3%	19,5	2,5%	33,7	2,6%	1,3	0,2%	-	0,0%

Trung bình trong giai đoạn, phần lớn đầu tư liên quan đến biến đổi khí hậu thuộc lĩnh vực thích ứng, chiếm hơn 97%, một số dự án thuộc lĩnh vực giảm nhẹ có tổng đầu tư khoảng 2,7 tỷ đồng, và một số dự án hỗn hợp có mức đầu tư hơn 100 tỷ, chiếm 2,2%. Đó là những dự án bảo vệ và phát triển rừng tại địa phương, chống xói lở, gây bồi trồng cây ngập mặn và dự án về nâng cao chất lượng, sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học.

b) Phân bổ cho các nhiệm vụ chi đầu tư thực hiện ứng phó với biến đổi khí hậu (CCD)

Chi đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu, trung bình hằng năm giai đoạn 2016 – 2020 (đơn vị: tỷ đồng)



Về lĩnh vực dự án đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu tại địa phương, 05 lĩnh vực được đầu tư nhiều nhất gồm: CCD 2.3 (Giao thông thích ứng với biến đổi khí hậu, đầu tư trung bình 235 tỷ đồng/năm, chiếm tỷ lệ 25,9%), tiếp theo là CCD 1.6 (Phát triển nông thôn và an ninh lương thực, 100,3 tỷ/năm, 11%), CCD 1.3 (Thủy lợi, 73,1 tỷ/năm, 8,1%), CCD 1.2 (Xâm nhập mặn, 72,3 tỷ, 8%), CCD 1.4 (Đê và kè bảo vệ sông, 69,9 tỷ, 7,7%).

Ngoài ra, có 11 lĩnh vực đầu tư khác liên quan đến biến đổi khí hậu, chiếm tỷ lệ từ 0,2-7% là: CCD 2.5 (Cơ sở hạ tầng chuyên biệt chống chịu thiên tai, 63,7 tỷ/năm) và CCD 1.9 (Đa dạng sinh học và bảo tồn, 1,6 tỷ/năm).

Về mặt chính sách, có thể nói rằng, các hoạt động đầu tư theo trình tự trên (CCD 2.3, CCD 1.6, CCD 1.3...) chưa được đề cập rõ ràng trong Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu (viết tắt là CCAP), Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris (PIPA), tuy nhiên, các hoạt động này phù hợp với Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (NTP-CC) thực hiện tại địa phương, (theo báo cáo đến năm 2015) cũng như tình hình thực tế ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Bến Tre.

2.3 Chi ngân sách từ nguồn vốn ODA

Dưới đây là 05 (năm) dự án ODA lớn nhất cho biến đổi khí hậu (Tên dự án, nguồn vốn, giai đoạn đầu tư, tỷ trọng trong tổng đầu tư từ ODA):

1. 7456219 - Dự án AMD (thích ứng với biến đổi khí hậu ĐBSCL) (2016-2020, 30,5%)
2. Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sinh kế bền vững cho người dân vùng ven biển Ba tri, tỉnh Bến Tre nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu (thuộc Hợp phần III, Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long",

vay vốn WB) (2016-2020, 24,5%)

3. Dự án cấp nước sinh hoạt cho dân cư khu vực Cù Lao Minh trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng (2016-2020, 14,6%)
4. Dự án xây dựng đê bao ngăn mặn kết hợp đường giao thông nối liền các huyện biên Bình Đại - Ba Tri - Thạnh Phú (2016-2020, 14,4%)
5. Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) WB9 (2016-2020, 10,7%)

2.4 Các công cụ lập kế hoạch và chính sách

Công cụ	Có (✓)/ Không (X)
CTMTQG về BĐKH tại địa phương, báo cáo cho giai đoạn 2015	✓
Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu (CCAP)	✓
Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh (GGAP)	X
Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris (PIPA)	✓
Khác: không	